

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST

Ngày 16-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Yến

Bà Mai Thị Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (viết tắt VAMC); địa chỉ trụ sở: Số B phố H, Phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đỗ Tùng D; nơi cư trú: Số B Quán S, phường H, quận H, thành phố Hà Nội là người đại diện của nguyên đơn theo văn bản số 5122/2023/UQ- BDH.NCB ngày 06/12/2023; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần V (viết tắt là ISC); địa chỉ trụ sở: Số A đường Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Văn H**; nơi cư trú: **Số B đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng** là Giám đốc - **Công ty Cổ phần V**; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023, bản tự khai ngày 19/6/2024 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là VAMC trình bày:

Ngày 10/4/2008, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh H1**. (Ngày 22/01/2014 đổi tên là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1**) đã ký kết với ISC theo Hợp đồng tín dụng dài hạn (viết tắt là HĐTD) số 008/08/HĐTD-105408; Số HĐTD cụ thể (BTS): 105DH0800009; như sau: Số tiền vay: 80.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động - thanh toán tiền vật liệu xây dựng; lãi suất vay: Theo các khế ước nhận nợ đính kèm. Quá trình thực hiện hợp đồng, **N1** và ISC đã ký kết 09 Phụ lục hợp đồng đi kèm, nâng tổng hạn mức cho vay lên 146.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Phụ lục số 01 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 30/6/2008 thỏa thuận: Lãi suất vay trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 21%/năm (360 ngày). Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất = Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 7,3%/năm và không thấp hơn 18%/năm.

- Phụ lục số 02 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 11/8/2008 thỏa thuận: Lãi suất vay là 21%/năm (360 ngày). Lãi suất được điều chỉnh trong thời gian hiệu lực của HĐTD với công thức: Lãi suất = Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, loại lãnh cuối kỳ và bậc thang cao nhất của **N1** tại thời điểm điều chỉnh + 7,3%/năm và không vượt mức lãi suất tối đa do **Ngân hàng N2** quy định.

- Phụ lục số 03 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 15/6/2009 thỏa thuận: Số tiền vay 104.000.000.000 đồng. Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 02/01/2009 đối với khoản tiền vay 80.000.000.000 đồng là 12,75%/năm, biên độ 7,8%/năm. Lãi suất vay đối với số tiền vay 24.000.000.000 đồng trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm + biên độ áp dụng khách hàng loại A nhưng không vượt quá lãi suất trần do **Ngân hàng N2** quy định cùng chi tiết các kỳ trả nợ tương ứng.

- Phụ lục số 04 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 05/3/2010 thỏa thuận: Số tiền vay 123.000.000.000 đồng. Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày 02/01/2009 - đến 02/07/2009 đối với tài khoản số 105.50.00.000996.9 có

số tiền vay: 80.000.000.000 đồng là: 12.75%/năm, biên độ 7.8%/năm. Lãi suất vay áp dụng áp dụng đối với tài khoản số 105.50.00.001389.0, Số tiền vay: 24.000.000.000 đồng trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên là: 10.5%/năm, biên độ: 7.02%/năm. Lãi suất vay áp dụng đối với tài khoản số 105.50.00.00.20278: 19.32%/năm, biên độ cho vay: 7.32%/năm. Hai bên thỏa thuận sửa đổi hồ sơ pháp lý tài sản bảo đảm. Trị giá tài sản bảo đảm: 154.000.000.000 đồng, đảm bảo cho số tiền vay cao nhất là 123.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ bảo đảm là: 80% và chi tiết các kỳ trả nợ tương ứng.

- Phụ lục số 05 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 10/8/2010 thỏa thuận: Số tiền vay: 129.000.000.000 đồng. Lãi suất vay áp dụng trong 06 tháng, kể từ 30/06/2010 đến 30/12/2010 là: 14%/năm. Biên độ cho vay: 6.52%/năm. Trị giá tài sản bảo đảm: 154.000.000.000 đồng, đảm bảo cho số tiền vay cao nhất là 129.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ bảo đảm là: 83.77% và chi tiết các kỳ trả nợ tương ứng.

- Phụ lục số 06 ngày 22/12/2010 thỏa thuận: Số tiền vay: 146.600.000.000 đồng, tăng thêm 17.600.000.000 đồng (sau khi bị đơn đã trả gốc là 3.800.000.000 đồng). Lãi suất vay: 8%/năm áp dụng trong 01 năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân món vay 17.600.000.000 đồng. Biên độ cho vay áp dụng đối với KH tổ chức loại BB, có tài sản bảo đảm tại thời điểm điều chỉnh lãi suất. Trị giá tài sản bảo đảm: 154.000.000.000 đồng, đảm bảo cho số tiền vay cao nhất là 146.600.000 đồng tương ứng với tỷ lệ bảo đảm là: 95% và chi tiết các kỳ trả nợ tương ứng.

- Phụ lục số 07 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 20/3/2011: 02 kỳ đầu trả tiền gốc tối thiểu 1.900.000.000 đồng; 04 kỳ tiếp theo 100.000.000 đồng; 27 kỳ tiếp theo 4.600.000.000; 01 kỳ cuối 18.200.000.000 đồng: Tổng 146.600.000.000 đồng.

- Phụ lục số 08 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 02/8/2011 và Phụ lục số 09 Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 06/4/2012 thỏa thuận về sửa đổi chi tiết các kỳ trả nợ tương ứng.

Thực hiện hợp đồng, **N1** đã giải ngân cho ISC theo đúng thỏa thuận tại các HĐTD là 146.406.250.000 đồng và 35 kế ước nhận nợ.

Để bảo đảm cho khoản vay tại **N1**, ISC đã thế chấp tài sản bảo đảm sau là: Tàu biển trọng tải 5200 tấn, cấp không hạn chế theo thiết kế được **Cục Đ** kiểm duyệt. Nay là: **T**; Hồ hiệu/Số IMO: 3WEN 9/9557355; Quốc tịch: Việt Nam; cảng đăng ký: Hải Phòng; loại tàu: M.Tàu chở hàng tổng hợp; năm đóng: 2011; chiều dài lớn nhất: 91.940M; chiều rộng: 15.300M; tổng dung tích: 2999GT; Mỏ nước: 6.300M; trọng tải toàn phần: 5262.9NT; công suất máy chính: 1765KW; dung tích thực dụng: 1849NT; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký

VN-3376-VT do Cơ quan đăng ký tàu biển Khu vực Hải Phòng cấp ngày 21/12/2011 cho CTCP Vận tải biển Quốc tế.

Ngày 14/09/2016, **N1** đã chấp nhận cho ISC tự bán tài sản thế chấp là tàu Giang Hải 11 nêu trên với giá 22.000.000.000 đồng cho bên thứ 3 để giải chấp tài sản bảo đảm và thu hồi nợ.

Thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, các phụ lục của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, người đại diện hợp pháp của ISC hoàn toàn tự nguyện và minh mẫn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ISC đã trả cho **N1** số tiền: 50.948.962.408 đồng trong đó: Nợ gốc là 27.642.552.699 đồng; nợ lãi trong hạn: 22.700.005.291 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.899.993 đồng; lãi chậm trả : 597.504.425 đồng.

Từ ngày 25/9/2012, ISC đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với **N1** đã chuyển khoản nợ của ISC sang nợ quá hạn và phát hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với ISC. **N1** đã nhiều lần đôn đốc ISC thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với **N1**. Tuy nhiên ISC vẫn không thực hiện như cam kết.

Ngày 29/09/2015, **V1** cùng với **N1** đã ký kết Hợp đồng mua, bán nợ số 21014/2015/MBN.VAMC2-NCB, được sửa đổi, bổ sung theo Hợp đồng số 819/2017/MBN1.VAMC2-NCB ngày 15/02/2017 để thực hiện mua bán khoản nợ của ISC. Ngoài ra, VAMC và **N1** cũng đã ký kết Hợp đồng ủy quyền số: 21015/2015/UQ. VAMC2-NCB ngày 29/09/2015, được sửa đổi, bổ sung theo Hợp đồng ủy quyền số 3211/2016/UQ1.VAMC2-NCB ngày 05/09/2016 đối với các công việc liên quan đến công tác thu hồi, xử lý khoản nợ và tài sản bảo đảm.

Nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của VAMC, nên VAMC có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Buộc **Công ty Cổ phần V** phải trả ngay cho VAMC tổng số nợ tạm tính đến ngày 16/9/2024 là 484.960.731.615 đồng, trong đó : Nợ gốc 118.763.697.301 đồng; lãi trong hạn 140.359.174.752 đồng; lãi quá hạn 225.837.859.562 đồng.

2. **Công ty Cổ phần V** còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/04/2023 theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng dài hạn số 008/08/HĐTD-105408 ngày 10/4/2008 và các khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp **Công ty Cổ phần V** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VAMC có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật để thu hồi khoản nợ.

4. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết VAMC yêu cầu ISC phải phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 6.420.454.312 đồng. Tuy nhiên ngày 19/6/2024, nguyên đơn xin rút

một phần yêu cầu khởi kiện tiền phạt chậm trả lãi đối với bị đơn, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn Công ty Cổ phần V:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ISC đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ISC và người đại diện theo pháp luật của ISC vắng mặt không có lý do, không có quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn, nên Tòa án không tiến hành được việc lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2024 nhưng bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, Tòa án đã công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90; 91; 94; 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; áp dụng khoản 2 Điều 6, Điều 11, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng N2; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của VAMC: Buộc ISC phải có trách nhiệm trả cho VAMC tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/9/2024 là 484.960.731.615 đồng, trong đó : Nợ gốc 118.763.697.301 đồng; lãi trong hạn 140.359.174.752 đồng; lãi quá hạn 225.837.859.562 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của VAMC về khoản tiền phạt chậm trả lãi 6.420.454.312 đồng; về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn VAMC là Tổ chức có đăng ký kinh doanh và bị đơn ISC. Bị đơn có trụ sở thuộc địa bàn **quận H, thành phố Hải Phòng**. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định của khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ niêm yết các văn bản tố tụng cho ISC và người đại diện theo pháp luật; Xác minh thể hiện ISC không còn hoạt động tại địa chỉ trên. Như vậy, bị đơn thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng không thông báo, không công bố công khai địa chỉ trụ sở với nguyên đơn và Tòa án biết để liên lạc. Do đó, bị đơn thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Về nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

[3] Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 10/4/2008 cùng các phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/6/2008, số 02 ngày 11/8/2008, số 03 ngày 15/6/2009, số 04 ngày 05/3/2010, số 05 ngày 10/8/2010, số 06 ngày 22/12/2010, số 07 ngày 20/3/2011; số 08 ngày 02/8/2011 và số 09 ngày 06/4/2012 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật theo Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc **Ngân hàng N2** khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[4] Quá trình thực hiện HĐTD, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký như cam kết theo các khế ước nhận nợ: 01/KUNN-105408 ngày 02/07/2008, 02/KUNN-105408 ngày 04/07/2008, 03/KUNN-105408 ngày 07/07/2008, 04/KUNN-105408 ngày 6

22/07/2008, 05/KUNN-105408 ngày 28/07/2008, 06/KUNN-105408 ngày  
13/08/2008, 07/KUNN-105408 ngày 01/09/2008, 08/KUNN-105408 ngày  
04/09/2008, 09/KUNN-105408 ngày 09/09/2008, 10/KUNN-105408 ngày  
25/09/2008, 11/KUNN-105408 ngày 29/09/2008, 12/KUNN-105408 ngày  
01/10/2008, 13/KUNN-105408 ngày 20/10/2008, 14/KUNN-105408 ngày  
28/10/2008, 15/KUNN-105408 ngày 31/10/2008, 16/KUNN-105408 ngày  
31/10/2008, 17/KUNN-105408 ngày 12/01/2009, 18/KUNN-105408 ngày  
31/03/2009, 19/KUNN-105408 ngày 16/06/2009, 20/KUNN-105408 ngày  
19/06/2009, 21/KUNN-105408 ngày 06/03/2010, 22/KUNN-105408 ngày  
02/04/2010, 23/KUNN-105408 ngày 04/05/2010, 24/KUNN-105408 ngày  
03/06/2010, 25/KUNN-105408 ngày 14/08/2010, 27/KUNN-105408 ngày  
28/12/2010, 28/KUNN-105408 ngày 29/01/2011, 29/KUNN-105408 ngày  
08/11/2011, 30/KUNN-105408 ngày 09/11/2011, 31/KUNN-105408 ngày  
10/11/2011, 32/KUNN-105408 ngày 14/11/2011, 33/KUNN-105408 ngày  
22/11/2011, 34//KUNN-105408 ngày 07/12/2011, 35/KUNN-105408 ngày  
15/12/2011, 36/KUNN-105408 ngày 20/12/2011. Bị đơn đã nhận đủ số tiền, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, N1 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, thực hiện việc bán nợ cho VAMC và VAMC đã khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 3 của HĐTD các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng N2 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng sao kê chi tiết khoản vay tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử 16/9/2024. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 10/4/2008 nợ gốc 118.763.697.301 đồng.

+ Xét yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:

[6] Việc các bên thỏa thuận mức lãi suất vay tại các HĐTD và Khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo các bên cam kết trong hợp đồng, phù hợp với chính sách lãi suất của N1 trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay, xác định: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền nợ lãi trong hạn 140.359.174.752 đồng; lãi quá hạn 225.837.859.562 đồng. Xét, cần chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn, của nguyên đơn đối với bị

đơn theo khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

+ Xét đối với tiền lãi chậm trả :

[7] Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của VAMC về khoản tiền phạt chậm trả lãi 6.420.454.312 đồng đối với ISC.

+ Đối với hợp đồng chế chấp tài sản:

[8] Để đảm bảo cho khoản vay tại VAMC, ISC đã thế chấp: Tàu biển trọng tải 5200 tấn, cấp không hạn chế theo thiết kế được Cục Đ kiểm duyệt. Nay là: T; Hồ hiệu/Số IMO: 3WEN 9/9557355; Quốc tịch: Việt Nam; cảng đăng ký: Hải Phòng; loại tàu: M.Tàu chở hàng tổng hợp; năm đóng: 2011; chiều dài lớn nhất: 91.940M; chiều rộng: 15.300M; tổng dung tích: 2999GT; Mớ nước: 6.300M; trọng tải toàn phần: 5262.9NT; công suất máy chính: 1765KW; dung tích thực dụng: 1849NT; theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số đăng ký VN-3376-VT do Cơ quan đăng ký tàu biển Khu vực Hải Phòng cấp ngày 21/12/2011 cho CTCP Vận tải biển Quốc tế. Tuy nhiên, ngày 14/09/2016, N1 đã chấp nhận cho ISC tự bán tài sản thế chấp trên với giá 22.000.000.000 đồng cho bên thứ 3 và đã giải chấp tài sản bảo đảm và thu hồi nợ. VAMC không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của VAMC về việc buộc bị đơn ISC phải trả cho VAMC theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

+ Về án phí:

[10] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VAMC được chấp nhận nên ISC phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 592.960.732 đồng. Trả lại cho VAMC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 280.000.000 đồng, theo biên lai số 000 4930 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**



Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 90; 91; 94; 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6, Điều 11, Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc **Ngân hàng N2**;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 2 năm 2005 của Thống đốc **Ngân hàng N2** về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q** của các Tổ chức tín dụng Việt Nam.

1.1. Buộc **Công ty Cổ phần V** phải có trách nhiệm trả cho **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q** của các Tổ chức tín dụng Việt Nam tổng số tiền nợ tạm tính ngày 16/9/2024 theo Hợp đồng tín dụng số 008/08/HĐTD-105408 ngày 10/4/2008 cùng các phụ lục hợp đồng số 01 ngày 30/6/2008, số 02 ngày 11/8/2008, số 03 ngày 15/6/2009, số 04 ngày 05/3/2010, số 05 ngày 10/8/2010, số 06 ngày 22/12/2010, số 07 ngày 20/3/2011; số 08 ngày 02/8/2011 và số 09 ngày 06/4/2012 là **484.960.731.615** (bốn trăm tám mươi tư nghìn tỷ, chín trăm sáu mươi triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm mười lăm) đồng, cụ thể :

- Nợ gốc 118.763.697.301 đồng;
- Nợ lãi trong hạn 140.359.174.752 đồng;
- Nợ lãi quá hạn 225.837.859.562 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2024 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam về khoản tiền phạt chậm trả lãi 6.420.454.312 đồng đối với Công ty Cổ phần V.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $[112.000.000 + (0,1\% \times 480.960.731.615)] = 592.960.732$  (năm trăm chín mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm ba mươi hai) đồng.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng, theo biên lai số 0004930 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ phần V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bích Phượng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bích Phượng**

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bích Phượng**



